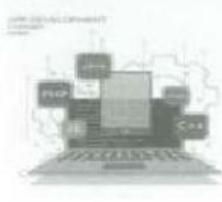
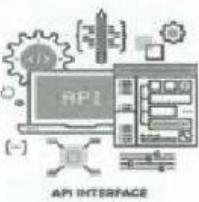


## A. VOCABULARY

New words	Meaning	Picture	Example
activate /æktr'veit/ (v)	kích hoạt		This program is used to activate the new generation robots. <i>Chương trình này được sử dụng để kích hoạt các robot thế hệ mới.</i>
algorithm /ælgərɪðəm/ (n)	thuật toán		A.I. algorithms can help to detect faces and other features in photos sent to social networking sites. <i>Thuật toán A.I. có thể giúp nhận diện khuôn mặt và các đặc điểm khác trong các bức ảnh được gửi đến các trang mạng xã hội.</i>
artificial intelligence /ɑ:tɪfiʃl ɪntelɪdʒəns/ (n.p)	trí tuệ nhân tạo		Do you believe that the future artificial intelligence will destroy humans? <i>Bạn có tin rằng trí tuệ nhân tạo sẽ hủy diệt con người trong tương lai?</i>
automated /'ɔ:təmeɪt/ (adj)	tự động		More and more industries use highly automated vehicles today. <i>Hiện nay, ngày càng có nhiều ngành công nghiệp sử dụng phương tiện tự động hóa cao.</i>
cyber-attack /'saibər ə'tæk / (n)	tấn công mạng		Many people were arrested for launching a cyber-attack on the company's website. <i>Nhiều người đã bị bắt vì tổ chức một cuộc tấn công mạng trên trang web của công ty.</i>

faraway /fa:rəwei/ (adj)	xa xôi		<p>She decided to send him to faraway places.</p> <p>Cô quyết định gửi anh ấy đến những nơi xa xôi.</p>
hacker /'hækə(r)/ (n)	tin tặc		<p>The computer operating systems could be taken control of by hackers. Các hệ điều hành máy tính có thể bị kiểm soát bởi tin tặc.</p>
implant /ɪm'pla:nt/ (v)	cấy ghép		<p>She had a new heart valve implanted.</p> <p>Cô ta đã cấy ghép van tim mới.</p>
incredible /ɪn'kredəbl/ (adj)	đáng kinh ngạc		<p>They like the films which have a lot of incredible space travels.</p> <p>Họ thích những bộ phim có nhiều chuyến du hành không gian đáng kinh ngạc.</p>
intervention /intə'venʃn/ (n)	sự can thiệp		<p>Many vehicles can drive with almost no human intervention.</p> <p>Nhiều phương tiện có thể di chuyển mà hầu như không có sự can thiệp của con người.</p>

malfunction /mæl'fʌŋkʃn/ (n)	sự trục trặc		People fear that machine malfunction could lead to dangerous consequences. <i>Con người lo sợ rằng trục trặc máy móc có thể dẫn đến những hậu quả nguy hiểm.</i>
navigation/ ,nævi'geɪʃn/ (n)	Sự trục trặc		People fear that machine malfunction could lead to dangerous consequences. <i>Con người lo sợ rằng trục trặc máy móc có thể dẫn đến những hậu quả nguy hiểm.</i>
overpopulation /əʊvə'pɒpjʊ'læʃn/ (n)	sự quá tải dân số		Overpopulation is one of the biggest problems in many countries. <i>Tình trạng quá tải dân số là một trong những vấn đề lớn nhất ở một số quốc gia.</i>
resurrect /rɪzə'rekt/ (V)	làm sống lại, phục hồi		After two thousand years, the deceased Monica was resurrected by the future artificial intelligence. <i>Sau hai nghìn năm, Monica đã chết được hồi sinh nhờ trí tuệ nhân tạo trong tương lai.</i>
unbelievable /ʌnbɪ'lɪ:vəbl/ (adj)	khó tin		The story sounds unbelievable. <i>Câu chuyện nghe có vẻ thật khó tin.</i>

## B. GRAMMAR

### THE ACTIVE AND PASSIVE CAUSATIVES (THẺ SAI KHIẾN CHỦ ĐỘNG VÀ BỊ ĐỘNG)

Thẻ sai khiến được dùng khi chủ ngữ muốn sắp xếp người khác làm điều gì đó thay cho họ nghĩa là chủ ngữ yêu cầu, sai bảo, nhờ và hay trả tiền cho người khác làm việc đó.

## 1. The active causatives (Thẻ sai khiến chủ động)

Chúng ta dùng thẻ sai khiến chủ động khi muốn đề cập đến người thực hiện hành động

**Form:** S + have + somebody + bare-infinitive ... / S + get + somebody + to -infinitive ...

**E.g:**

- I have my brother repair my bike. (*Tôi nhờ anh trai sửa xe đạp cho mình.*)
- I get the kids to carry the boxes. (*Tôi nhờ bọn trẻ mang mấy cái hộp.*)

## 2. The passive causatives (Thẻ sai khiến bị động)

Chúng ta dùng thẻ sai khiến bị động khi không muốn hoặc không cần đề cập đến người thực hiện hành động.

**Form:** S + have + something + past participle ... / S + get + something + past participle...

**E.g:** He had/ got his hair cut.

Ngoài ra, cấu trúc "have something done" còn được dùng để nói về điều gì đó xấu hay không tốt đẹp đã xảy ra cho người nào đó.

**E.g:** I had my bag stolen on the bus last week. ~ My bag was stolen on the bus last week.

## 3. Một số cấu trúc câu sai khiến khác

### a. make/force

**Form:** S + make + O (person) + bare -infinitive.../S + force + O (person) + to infinitive...

**E.g:** My mother makes me go to bed early. (*Mẹ tôi bắt tôi đi ngủ sớm.*)

### b. let/permit/ allow

**Form:** S + let + O (person) + bare-infinitive.../ S + permit/allow + O (person) + to infinitive...

**E.g:** She lets her children play soccer here. (*Cô ấy để cho/cho phép các con đá bóng ở đây.*)

### c. help

**Lưu ý:** Nếu tân ngữ sau **help** là một đại từ chung chung thì ta có thể bỏ cả tân ngữ lẫn **to** mà chỉ dùng mỗi **V (bare)**

**E.g:** This policy will help (people to) get access to healthcare more easily.

## ■ BÀI TẬP VẬN DỤNG CƠ BẢN

### Bài 1: Use the verbs in brackets with the correct form of "have" to make a causative sentence.

1. Your foot is very swollen. You should \_\_\_\_\_. (x-ray)
2. The roof of the house is leaking. We need to \_\_\_\_\_. (mend)
3. I need this article. I am going to \_\_\_\_\_. (copy)
4. Daisy did not like the colour of her hair so she decided \_\_\_\_\_. (dye)
5. It is a small house. We are going to \_\_\_\_\_. (enlarge)

### Bài 2: Change the sentences into the structure "have + something + past participle" or "get + something + past participle".

1. I washed my car. (have)

⇒ \_\_\_\_\_

2. I cut my hair, (get)

⇒ \_\_\_\_\_

3. I typed the documents, (have)

⇒ \_\_\_\_\_

4. I fixed my washing machine, (get)

⇒ \_\_\_\_\_

5. I cut my grass, (have)

⇒ \_\_\_\_\_

6. I painted my bedroom, (get)

⇒ \_\_\_\_\_

7. I repaired my fridge, (have)

⇒ \_\_\_\_\_

8. I tidied my garden, (get)

⇒ \_\_\_\_\_

9. I edited the article, (have)

⇒ \_\_\_\_\_

10. I cleaned the carpets, (get)

⇒ \_\_\_\_\_

**Bài 3: Choose the best answer.**

1. The teacher made me \_\_\_\_\_ the whole passaae.

- A. repeat      B. repeated      C. to repeat      D. repeating

2. We're \_\_\_\_\_ our car repaired.

- A. having      B. has      C. have      D. had

3. Let me just \_\_\_\_\_ this and then I'll come.

- A. to finish      B. finishing      C. finish      D. finished

4. Lisa had her bag \_\_\_\_\_ last night

- A. stealing      B. to steal      C. steal      D. stolen

5. The police won't let him \_\_\_\_\_ the country.

- A. leave      B. to leave      C. left      D. leaving

6. I will \_\_\_\_\_ her do my homework.

- A. get      B. to get      C. have      D. to have

7. Students are made \_\_\_\_\_ with the rules of the school.

- A. complying      B. complied      C. to comply      D. comply

8. I'll never get all this work \_\_\_\_\_.

- A. to finish      B. finished      C. finish      D. finishing

9. I must get my hair \_\_\_\_\_.

- A. to cut      B. cut      C. cutting      D. cutted

10. He got his sister \_\_\_\_\_ him with his homework

- A. to help      B. helped      C. helping      D. help

**Bài 4: Put the verbs in the correct form.**

1. I'm going to have Michael \_\_\_\_\_ (look) into my laptop to see what is wrong.
2. Her father will not let the girl \_\_\_\_\_ (marry) with that poor guy.
3. I made my cousin \_\_\_\_\_ (call) her and apologize.
4. I really must get a plumber \_\_\_\_\_ (fix) the central heating.
5. They ought to have someone \_\_\_\_\_ (replace) the broken windows.
6. The instructor made her students \_\_\_\_\_ (write) an essay about their hometown.
7. The boss had his secretary \_\_\_\_\_ (call) Ms. Mai.
8. He may have the car \_\_\_\_\_ (sell).
9. I had already got my hair \_\_\_\_\_ (cut).
10. I'll get Tim \_\_\_\_\_ (do) it when he comes home.
11. The students were made \_\_\_\_\_ (come) earlier.
12. I got my mother \_\_\_\_\_ (do) it.

## ■ BÀI TẬP TỔNG HỢP NÂNG CAO

### Bài 5: Replace the underlined phrase with the structure "have something done".

1. I didn't recognize Mary. The hairdresser's dyed her hair.
2. My room gets too hot when the sun shines so I'm getting someone to fit blinds on the windows.
3. Lisa broke her leg some weeks ago but she's much better now. In fact, the doctors will be taking the plaster off tomorrow.
4. Since Mark made a lot of money, he's not content with this small house, so an architects designed him a big new house.
5. I heard that Mrs. Brown didn't trust her husband so she hired a detective to follow him.

### Bài 6: Complete the sentences using the correct form of "have something done" and the words in brackets.

1. We usually \_\_\_\_\_ (the bedrooms / redecorate) every two years.
2. Sarah isn't making her own wedding dress, she \_\_\_\_\_ (it / make) by a designer in Italy.
3. \_\_\_\_\_ (you / ever/ anything / steal) from your house?
4. He didn't fix his car himself, he \_\_\_\_\_ (it / fix) at the garage.
5. Your hair is too long. You need \_\_\_\_\_ (it / cut).
6. I'm going to do my food shopping online and I \_\_\_\_\_ (the food / deliver) to my house.
7. If you can't see properly, you should \_\_\_\_\_ (your eyes / test).
8. Are they going to paint the kitchen themselves, or \_\_\_\_\_ (it / paint)?

### Bài 7: Choose the best answer.

1. Camera footage shows that illegal goods \_\_\_\_\_ into the warehouse last week.  
A. are being smuggled B. smuggled C. are smuggled D. were smuggled
2. Millions of tons of coal \_\_\_\_\_ every day to produce energy.  
A. are burning B. are burnt C. burnt D. will burn

3. According to studies, single women often lack satisfactory life Insurance coverage and 64 percent of American women \_\_\_\_\_ life insurance at all.
- A. aren't carried      B. don't carry      C. weren't carried      D. didn't carry
4. The taste of the coffee \_\_\_\_\_ by how and where the coffee bean is grown.
- A. should have affected      B. has to be affected  
C. can be affected      D. could affect
5. Many teachers agree that one's language skills \_\_\_\_\_ by listening to others.
- A. could have improved      B. can improve  
C. used to improved      D. can be improved
6. The board \_\_\_\_\_ to consider a range of options by many, including Microsoft raising its offer in an attempt to break the stalemate between the companies.
- A. was expected      B. is expecting      C. will expect      D. has expected
7. New methods of dating ancient footprints show that the first Americans \_\_\_\_\_ there at least 25,000 years earlier than thought.
- A. must be settled      B. should be settled  
C. can settle      D. may have settled
8. The CSU team today \_\_\_\_\_ an updated forecast that predicts eight hurricanes – four of them with winds exceeding 110 miles.
- A. has released      B. may be released      C. had released      D. is released
9. There are many factors behind the sharp increase in the oil price, which \_\_\_\_\_ most of the time.
- A. had been overlooked      B. have been overlooked  
C. are overlooking      D. will overlook
10. The hundreds of millions of people who live on the border of poverty \_\_\_\_\_ with the threat of starvation now.
- A. are faced      B. had faced      C. had bee faced      D. faced
11. When I \_\_\_\_\_ him two weeks ago, he told me that he had returned from the South of France.
- A. met      B. have met      C. will be met      D. may be met
12. As education, culture and the level of income \_\_\_\_\_ better, needs also expand and reach new dimensions.
- A. got      B. get      C. getting      D. to get
13. When he heard the accusations against him, the man \_\_\_\_\_ that he himself was the actual victim of the crime.
- A. alleged      B. was alleged      C. has alleged      D. will be alleged
14. As I have put on weight recently, I have to get the tailor \_\_\_\_\_ my suit before my graduation ceremony.
- A. fix      B. fixed      C. to fixing      D. to fix
15. The best thing that you can do to extend the life of your car is to have your car \_\_\_\_\_ on a routine basis.
- A. to service      B. to be serviced      C. service      D. serviced

**Bài 8: Use "have something done" to rewrite the sentences.**

1. He gets people to make all his shoes in Italy.

⇒ He \_\_\_\_\_ in Italy.

2. Harry asked someone to translate the article for him.

⇒ Harry \_\_\_\_\_.

3. Did the dressmaker shorten the skirt for her?

⇒ Did she \_\_\_\_\_?

4. The doctor is testing my son's eyes at the moment

⇒ My son \_\_\_\_\_.

5. He will ask someone at the garage to repaint his car.

⇒ He \_\_\_\_\_.

6. You can ask someone to collect your mail.

⇒ You \_\_\_\_\_.

7. We got some people to build our garage last year.

⇒ We \_\_\_\_\_.

8. Philip isn't here - someone is cutting his hair for him.

⇒ Philip isn't here – he \_\_\_\_\_.

9. I am going to ask them to write a copy of the contract.

⇒ I \_\_\_\_\_.

10. How long has this butcher been delivering meat for you?

⇒ How long \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ meat delivered?